

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/DS- ST
Ngày: 15/09/2026
*V/v: Tranh chấp về thực hiện nghĩa
vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng
hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa không tham gia phiên tòa

Ngày 15 tháng 09 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2026/TLST- DS, ngày 27 tháng 07 năm 2026 về việc “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1032/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 08 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1037/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 09 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn L**, sinh năm: 1989

Số căn cước công dân: 038089010788

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.**

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm: 1986

Số căn cước công dân: 038086009500

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa**

Tại phiên tòa vắng mặt anh **L** và anh **T** (Anh **L** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh **Hoàng Văn L** trình bày:

Anh có mở cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng. Từ tháng 7/2024 đến tháng 8/2024 anh **Bùi Văn T** có mua của anh một số vật liệu để xây dựng nhà với tổng số tiền là 200.493.000 đồng. Đến tháng 9/2024, anh **T** có trả cho anh hơn 50.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 150.000.000 đồng. Sau đó anh đã đòi nợ rất nhiều lần nhưng anh **T** không trả nợ cho anh. Đến ngày 28/02/2026 anh **T** có viết giấy cam kết trả nợ cho anh với nội dung còn nợ anh số tiền 150.000.000 đồng và thời hạn trả là trong tháng 5/2026, tiền lãi suất sẽ là 0,8%/1 năm tính từ tháng 10/2024. Tuy nhiên, đến hẹn anh đã gọi điện và gặp anh **T** nhiều lần nhưng anh **T** vẫn hứa hẹn và cố tình không trả nợ cho anh. Đến nay anh **T** cũng không nghe điện thoại và tránh mặt anh. Do đó, đến nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa buộc anh **Bùi Văn T** phải trả cho anh số tiền đã mua vật liệu còn nợ và tiền lãi.

- Số tiền nợ gốc: 150.000.000 đồng

- Trả tiền lãi suất với mức lãi suất 0,8%/năm tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh **Bùi Văn T** trình bày:

Từ tháng 07/2024 đến tháng 08/2024, anh có mua vật liệu xây dựng của anh **Hoàng Văn L**. Anh xác nhận đến ngày 28/02/2026 có viết giấy cam kết trả nợ với nội dung còn nợ số tiền 150.000.000 đồng và thời hạn trả là trong tháng 5/2026, tiền lãi suất sẽ là 0,8%/1 năm tính từ tháng 10/2024. Tuy nhiên, sau đó việc làm ăn gặp khó khăn nên anh chưa có khả năng để thanh toán cho anh **L** như giấy cam kết. Đến nay, anh đề nghị được thanh toán cho anh **L** như sau: Về số tiền nợ: gốc 150.000.00 đồng: Vào ngày 10-15 hàng tháng, anh sẽ trả cho anh **L** số tiền từ 10.000.000 đồng – 15.000.000 đồng, cho đến khi trả hết số nợ. Về số tiền lãi: Xin được giảm toàn bộ số tiền lãi

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh **Hoàng Văn L** khởi kiện yêu cầu anh **Bùi Văn T** thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ theo thỏa thuận giữa các bên. Do anh **T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự”. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh **Bùi Văn T** cư trú tại **Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa**, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu thanh toán nợ gốc: Nguyên đơn anh **Hoàng Văn L** yêu cầu bị đơn anh **Bùi Văn T** thanh toán số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh **T** cũng thừa nhận trong thời gian từ tháng 07/2024 đến tháng 08/2024 có mua vật liệu xây dựng của anh **L** và xác nhận còn nợ anh **L** số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 28/02/2026, anh **T** lập giấy cam kết trả nợ, xác nhận số tiền còn nợ và cam kết thanh toán trong tháng 5/2026. Lời thừa nhận của bị đơn phù hợp với nội dung Giấy cam kết trả nợ ngày 28/02/2026 do nguyên đơn cung cấp. Xét thấy, việc mua bán vật liệu xây dựng giữa các bên là có thật; anh **L** đã thực hiện việc giao hàng, còn anh **T** có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng. Anh **T** đã xác nhận khoản nợ 150.000.000 đồng và thời hạn thanh toán nhưng đến hạn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Do đó, anh **T** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Căn cứ các Điều 430, 440 và Điều 357 Bộ luật Dân sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh **L**, buộc anh **T** phải thanh toán số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng.

[3]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Anh **Hoàng Văn L** yêu cầu anh **Bùi Văn T** thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,8%/năm, tính từ tháng 10/2024. Anh **T** xác nhận có thỏa thuận về mức lãi suất 0,8%/năm nhưng đề nghị được miễn toàn bộ tiền lãi. Xét thấy, tại Giấy cam kết trả nợ ngày 28/02/2026, anh **T** xác nhận còn nợ anh **L** số tiền 150.000.000 đồng và xác nhận tiền lãi được tính với mức 0,8%/năm kể từ tháng 10/2024. Sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh **L** về tiền lãi. Đề nghị của anh **T** về việc miễn toàn bộ tiền lãi không có căn cứ chấp nhận. Số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/09/2026 là 01 năm 11 tháng 14 ngày. Khoản tiền lãi này bằng $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% \times 1 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 2.347.000 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 351, Điều 357; Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh **Bùi Văn T** phải trả cho anh **Hoàng Văn L** số tiền 152.347.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), trong đó:

- Tiền nợ gốc: 150.000.000 đồng;
- Tiền lãi: 2.347.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh **Bùi Văn T** phải chịu 7.617.350đ (Bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh **Hoàng Văn L** số tiền là 4.244.000đ (Bốn triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà anh **L** đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số: 0000775 ngày 23/07/2026.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh **L** và anh **T**. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tường Vân

Lê Thị Tâm

Bùi Văn Hải

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

